CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1 (HSX: HU1)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	5,830 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.8%	11.7%	-15.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,220 - 10,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	58
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	985
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.80
EPS	12
P/E	473.9

Tỷ suất lợi nhuận

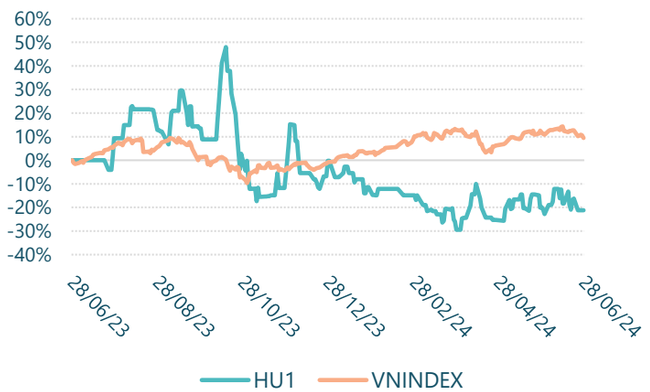

Doanh thu thuần

Q2/24

8.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▼52.5 | -85.5%

YoY: ▼59.0 | -86.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

379%

YoY: +/-▲ 47.0%

LN gộp

Q2/24

2.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.87 | -29.9%

YoY: ▼2.83 | -58.1%

ROE (TTM)

Q2/24

0.1%

YoY: +/-▼ 0.0%

LN trước thuế

Q2/24

0.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.03 | 85.6%

YoY: ▼0.03 | -38.1%

ROA (TTM)

Q2/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.0%

Kết quả kinh doanh Q2/24

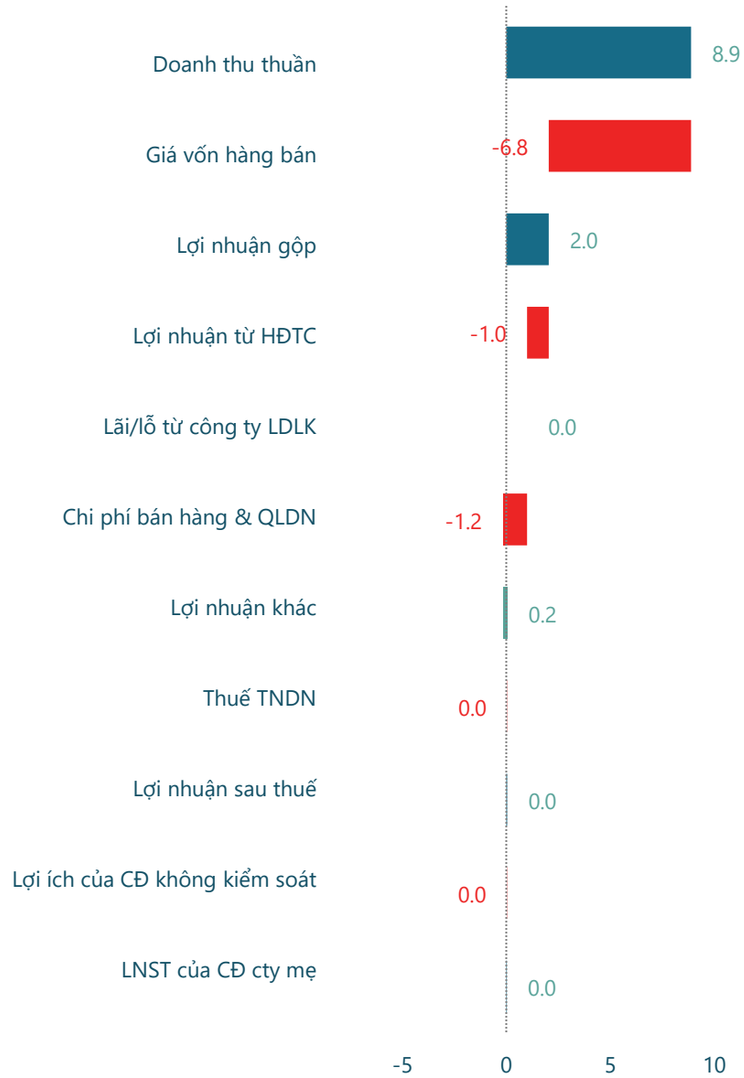

CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1 (HSX: HU1)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

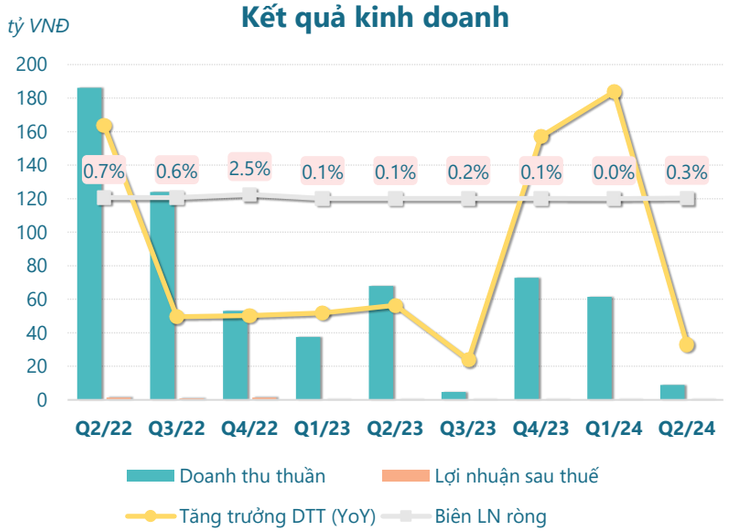

Kết quả kinh doanh của **HU1** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **8.88 tỷ đồng** giảm đi **86.9%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.04 tỷ đồng**, **giảm sút 42.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **70.00 tỷ đồng** thấp hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 bằng so với cùng kỳ năm trước.

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 114% so với kỳ trước và thấp hơn 270% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.04 tỷ đồng** giảm đi 0.18 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.73 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.23 tỷ đồng**, tăng thêm 1.41 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.24 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

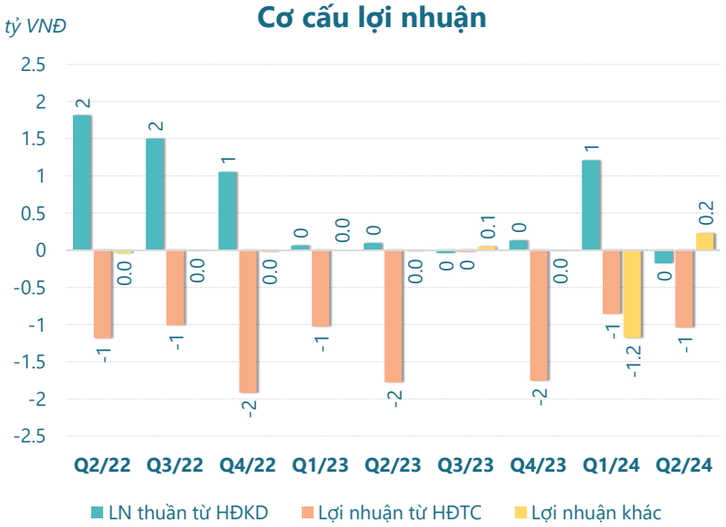

Cơ cấu chi phí

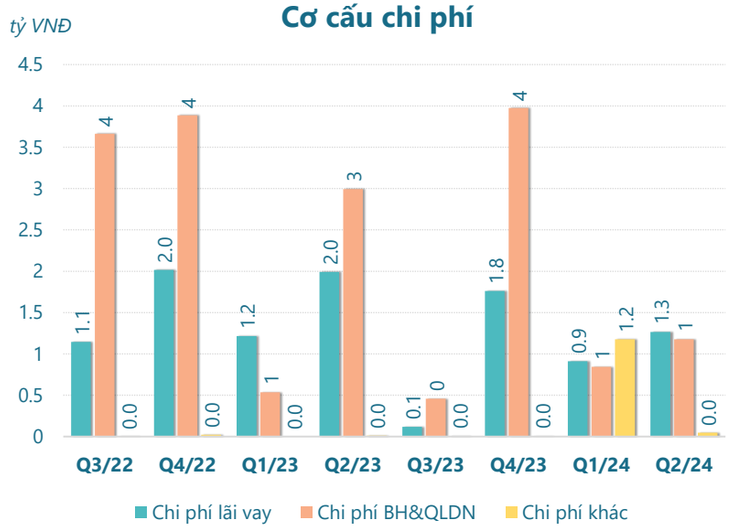

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.27 tỷ đồng** tăng thêm 39.6% so với kỳ trước và thấp hơn 36.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.18 tỷ đồng** tăng thêm 40.5% so với kỳ trước và thấp hơn 60.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.05 tỷ đồng** giảm đi 95.8% so với kỳ trước và cao hơn 400% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1 (HSX: HU1)

FireAnt
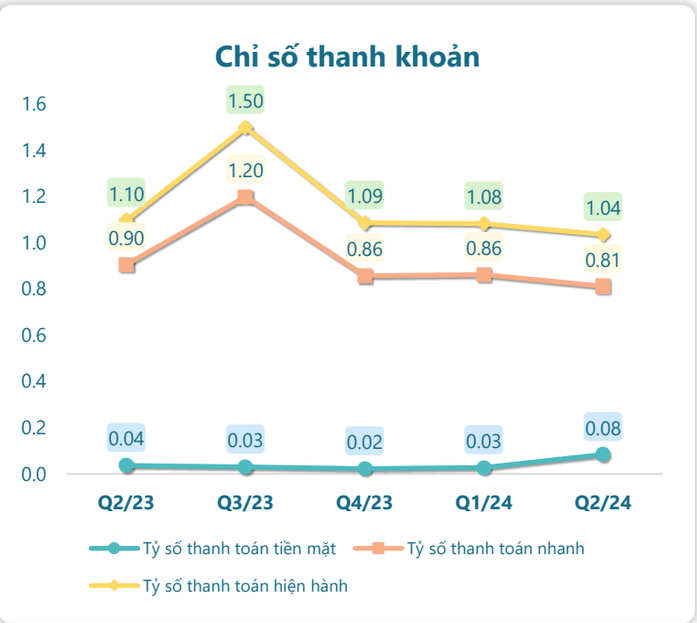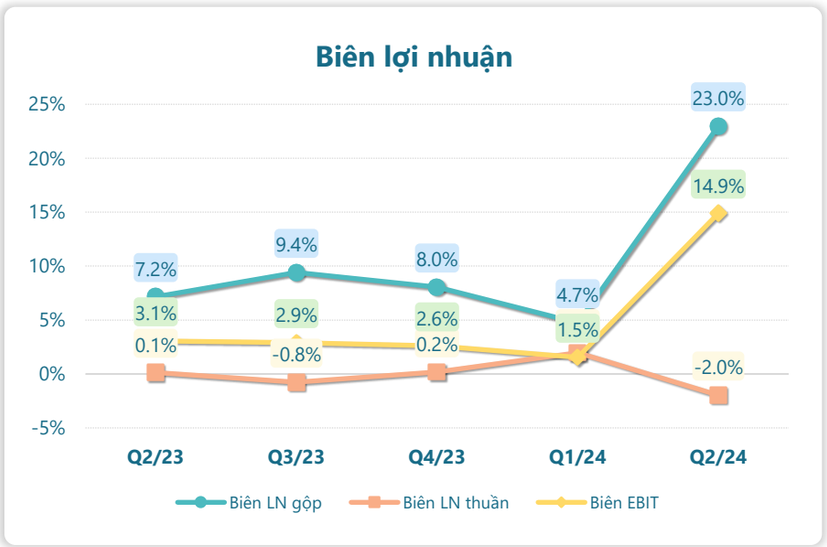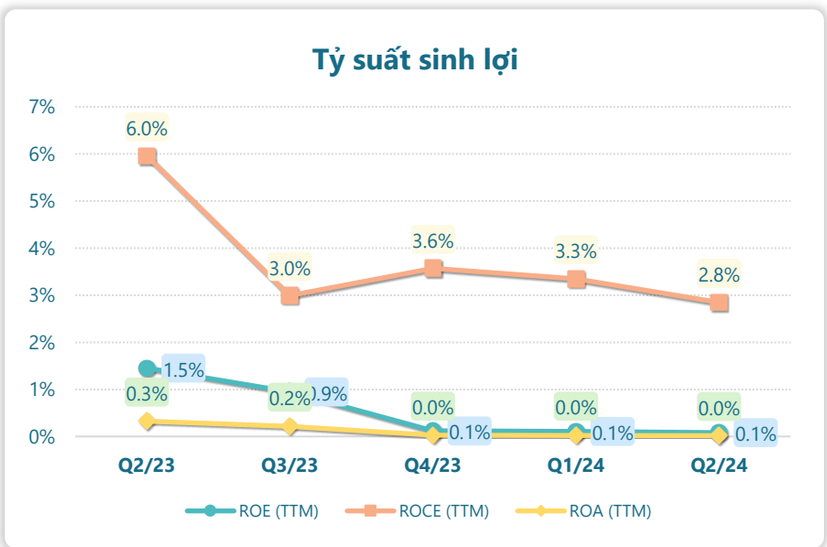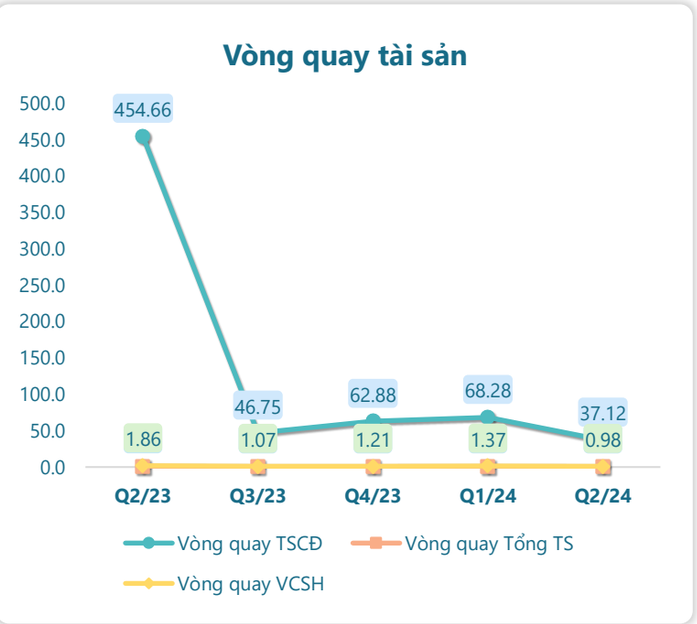
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8.88**	**61.4**	**-85.5%**	**67.9**	**-86.9%**	**70.3**	**105**	**-33.3%**
Giá vốn hàng bán	6.84	58.5	-88.3%	63.0	-89.1%	65.3	98.9	-34.0%
Lợi nhuận gộp	2.04	2.91	-29.9%	4.87	-58.1%	4.95	6.49	-23.7%
Doanh thu HĐTC	0.23	0.05	359%	0.22	4.3%	0.28	0.41	-30.6%
Chi phí TC	1.27	0.91	39.2%	1.99	-36.3%	2.18	3.21	-32.1%
Chi phí lãi vay	1.27	0.91	39.2%	1.99	-36.3%	2.18	3.21	-32.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.18**	**0.84**	**40.3%**	**3.00**	**-60.7%**	**2.02**	**3.53**	**-42.7%**
LN thuần từ HĐKD	-0.17	1.21	-114%	0.10	-275%	1.03	0.16	543%
Lợi nhuận khác	**0.23**	**-1.18**	**120%**	**-0.01**	**2404%**	**-0.95**	**-0.01**	**-8422%**
LN trước thuế	0.06	0.03	85.6%	0.09	-38.1%	0.09	0.15	-40.8%
Lợi nhuận sau thuế	**0.04**	**0.02**	**123%**	**0.07**	**-36.4%**	**0.06**	**0.12**	**-45.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.03**	**0.02**	**31.7%**	**0.06**	**-56.1%**	**0.04**	**0.10**	**-55.4%**